

Số: /KTHM-01/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
THỜI HẠN MÙA TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**

(Từ tháng 02 đến tháng 7/2025)

1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng thủy văn nổi bật trong 02 tháng qua

1.1. Tình hình khí tượng

a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

+ Bão/áp thấp nhiệt đới (ATNĐ): Từ tháng 11/2024 đến nửa đầu tháng 01/2025, trên khu vực Biển Đông đã xuất hiện 04 cơn bão: Bão số 7-YINXING (từ ngày 08-12/11), bão số 8-TORAJI (từ ngày 11-15/11), bão số 9-MANYI (từ ngày 17-20/11) và bão số 10-PABUK (từ ngày 23-25/12) (Hình 1).

Các cơn bão có diễn biến như sau:

+ Bão số 7 (YINXING): Sáng ngày 08/11, cơn bão có tên quốc tế là YINXING đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 7 trong năm 2024. Bão di chuyển chủ yếu theo hướng Tây với cường độ mạnh lên cấp 14, giật cấp 17. Đến sáng ngày 10/11, khi đi vào vùng biển phía Tây Bắc khu vực Bắc Biển Đông, bão đổi hướng di chuyển theo hướng Tây Tây Nam cường độ bão giảm xuống cấp 13, giật cấp 16. Tối ngày 11/11 sau khi di chuyển vào vùng biển phía Tây khu vực quần đảo Hoàng Sa, bão số 7 suy yếu thành ATNĐ. Đến chiều tối ngày 12/11, ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực ven biển Bình Định-Phú Yên.

+ Bão số 8 (TORAJI): Tối ngày 11/11, cơn bão có tên quốc tế có tên là TORAJI đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 8 trong năm 2024. Bão di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Bắc với sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 9-10, giật cấp 12. Đến tối ngày 14/11, bão số 8 di chuyển trên vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông và suy yếu thành ATNĐ. Đến sáng sớm ngày 15/11, ATNĐ suy yếu thành một vùng áp thấp trên vùng biển phía Tây Bắc của khu vực Bắc Biển Đông.

+ Bão số 9 (MANYI): Tối ngày 17/11, bão MANYI đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 9 trong năm 2024. Bão chủ yếu di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc; đến sáng ngày 19/11, di chuyển

theo hướng Tây với sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 9, giật cấp 11. Đến chiều ngày 19/11, bão chủ yếu di chuyển theo hướng Tây Tây Nam với sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 8, giật cấp 10. Chiều tối 19/11, bão số 9 đã suy yếu thành ATNĐ. Sáng sớm ngày 20/11, ATNĐ (suy yếu từ cơn bão số 9) suy yếu thành một vùng áp thấp trên vùng biển phía Tây Bắc quần đảo Hoàng Sa.

+ Bão số 10 (PABUK): Chiều ngày 23/12, ATNĐ trên vùng biển phía Tây Bắc quần đảo Trường Sa đã mạnh lên thành bão, cơn bão số 10 năm 2024, có tên quốc tế là PABUK. Ngày 25/12, bão số 10 đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên vùng biển ngoài khơi từ Ninh Thuận đến Bà Rịa-Vũng Tàu.



(a) Quỹ đạo bão số 7-YINXING

(b) Quỹ đạo bão số 8-TORAJI



(c) Quỹ đạo bão số 9-MANYI

(d) Quỹ đạo bão số 10-PABUK

Hình 1: Quỹ đạo các cơn bão số 7,8,9 và 10

+ *Đông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi toàn quốc xảy ra một số trận dông, lốc, sét tại Trung Bộ và Tây Nguyên trong nửa đầu tháng 11/2024 (*Bảng 1-Phụ lục*).

+ *Không khí lạnh (KKL)*:

Từ tháng 11 đến nay, có 08 đợt KKL vào các ngày 02/11, 05/11, 16/11, 26/11, 06/12, 11/12, 27/12 và 09/01. Trong đó, đáng lưu ý đợt KKL ngày 06/12 đã gây trời rét tại khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, vùng núi khu vực Bắc Bộ có nơi rét đậm, rét hại; nhiệt độ thấp nhất trong đợt KKL này tại Bắc Bộ phổ

biến từ 14-17⁰C, vùng núi 11-13⁰C, vùng núi cao có nơi dưới 10⁰C như: Sapa (Lào Cai) 9,3⁰C, Đồng Văn (Hà Giang) 8,1⁰C, Tam Đảo (Vĩnh Phúc) 9,0⁰C, Trùng Khánh (Cao Bằng) 9,5⁰C, Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 5,1⁰C,...; nhiệt độ thấp nhất tại khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến từ 15-18⁰C. Đợt KKL ngày 11/12 đã gây rét đậm diện rộng ở khu vực Bắc Bộ trong ngày 14-15/12 và tại các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Bình trong ngày 15/12; riêng ở khu vực vùng núi Bắc Bộ trời rét đậm, rét hại. Nhiệt độ thấp nhất trong đợt KKL này ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ phổ biến từ 11-14⁰C, vùng núi cao có nơi dưới 7,0⁰C như: Sa Pa (Lào Cai) 6,0⁰C, Đồng Văn (Hà Giang) 5,2⁰C, Tam Đảo (Vĩnh Phúc) 6,2⁰C, Trùng Khánh (Cao Bằng) 5,6⁰C, Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 3,2⁰C. Đợt KKL ngày ngày 09/01/2025 đã gây trời rét đậm, rét hại diện diện rộng ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ trong ngày 12-13/01 (riêng Cao Bằng, Lạng Sơn và vùng núi cao rét đậm, rét hại từ ngày 09-13/01). Nhiệt độ thấp nhất trong đợt KKL này ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ phổ biến dưới 10⁰C, vùng núi cao có nơi dưới 5,0⁰C như: Sapa (Lào Cai) 3,2⁰C, Bắc Hà (Lào Cai) 1,4⁰C, Đồng Văn (Hà Giang) 0,8⁰C, Trùng Khánh (Cao Bằng) 0,9⁰C, Đình Lập (Lạng Sơn) 0,3⁰C....

+ *Mưa lớn diện rộng:*

Tháng 11/2024 có 02 đợt mưa lớn diện rộng diễn ra chủ yếu tại khu vực Trung Bộ: Từ ngày 03-08/11 tại các tỉnh từ Hà Tĩnh-Khánh Hòa, từ ngày 18-27/11 từ Hà Tĩnh đến Phú Yên. Trong đó, đợt mưa từ ngày 18-27/11, do ảnh hưởng của KKL kết hợp với nhiễu động gió Đông trên cao nên khu vực có tổng lượng mưa (TLM) phổ biến 150-280mm, có nơi cao hơn trên 600mm như Trà My (Quảng Nam) 1270mm, Ba Tơ (Quảng Ngãi) 670mm, riêng Huế TLM phổ biến từ 400-1000mm. Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ, xuất hiện nhiều ngày có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa vừa, mưa to.

Từ tháng 12/2024 đến nửa đầu tháng 01/2025, khu vực Trung Bộ có 02 đợt mưa lớn diện rộng xảy ra vào các ngày từ 11-15/12 (tập trung ở các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Bình Thuận) và ngày 23-28/12 (tập trung tại các tỉnh Quảng Trị - Bình Định); những ngày đầu tháng 01/2025 xảy ra 01 đợt mưa diện rộng vào ngày 09-10/01 ở các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Bình Định, cục bộ có mưa vừa; khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ có 02 đợt mưa diện rộng vào các ngày 11-15/12 và 27-28/12, trong đó có nơi mưa vừa, mưa to. Trên cả nước một số trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị TLM ngày và TLM tháng vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (*Bảng 5, 6, 7, 8, 9, 10-Phụ lục*).

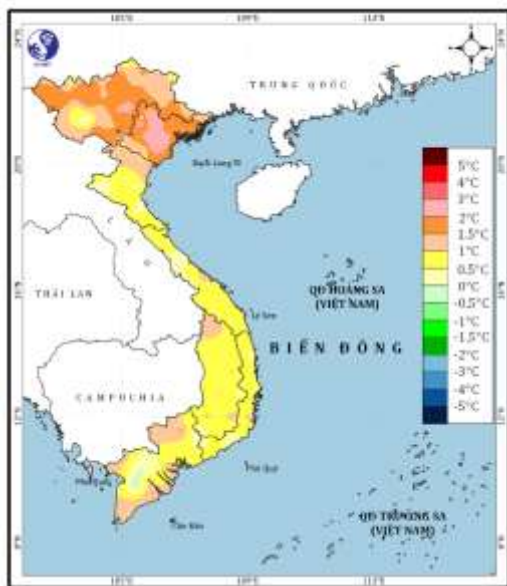
b) *Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa:*

+ *Nhiệt độ trung bình (NĐTĐB):*

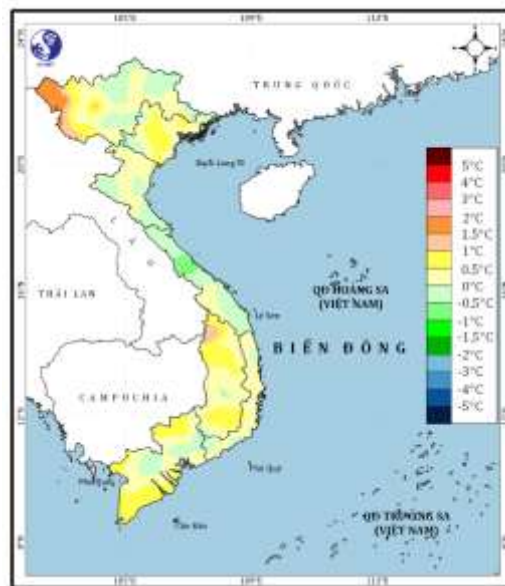
Tháng 11/2024, NĐTĐB trên cả nước phổ biến cao hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) từ 0,5-1,0⁰C; riêng khu vực Bắc Bộ cao hơn từ 1,5-2,0⁰C, có

nơi cao hơn.

Tháng 12/2024, NĐTB trên cả nước phổ biến xấp xỉ so với TBNN; riêng một số tỉnh tại phía Tây Bắc Bắc Bộ, Tây Nguyên và miền Tây Nam Bộ cao hơn so với TBNN từ 0,5-1,0⁰C, có nơi trên 1,5⁰C (Hình 2a, 2b).

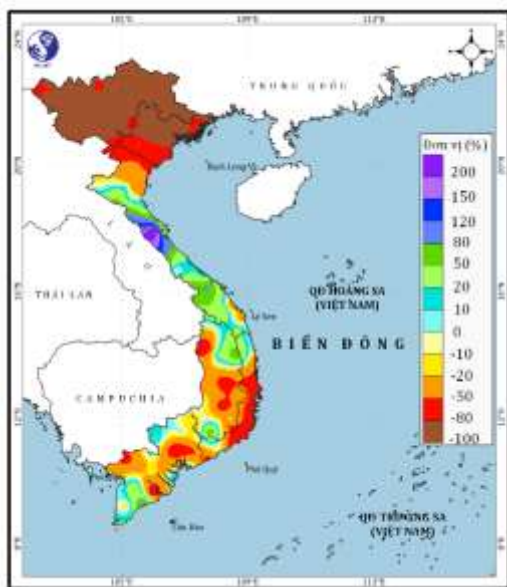


(a)

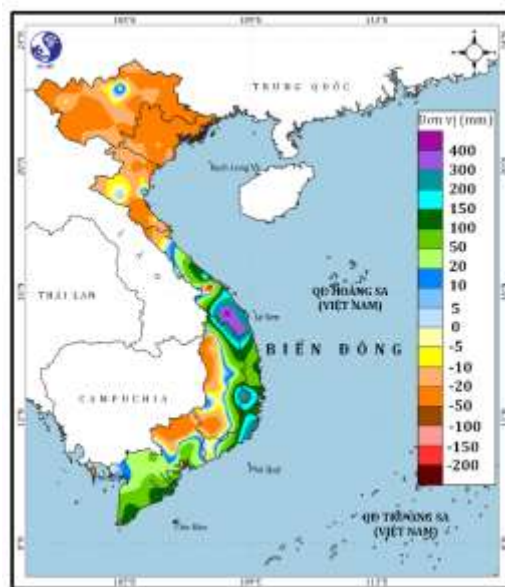


(b)

Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 11/2024;
(b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 12/2024.



(a)



(b)

Hình 3: (a) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 11/2024;
(b) Chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 12/2024.

Trong nửa đầu tháng 01/2025, NĐTB khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ phổ biến cao hơn TBNN từ 0,5-1,0⁰C; khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên phổ biến thấp hơn TBNN từ 0,5-1,5⁰C; các nơi khác xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ. Trên cả nước đã ghi nhận được giá trị nhiệt độ cao nhất ngày vượt

GTLS cùng thời kỳ (*Bảng 2,3,4-Phụ lục*).

+ Tổng lượng mưa:

Tháng 11/2024, TLM tại Thanh Hóa, Nam Trung Bộ, một số nơi ở Tây Nguyên và Nam Bộ phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 50-80%, riêng Bắc Bộ ít mưa, TLM thấp hơn TBNN cùng thời kỳ từ 90-100%. Các khu vực còn lại trên cả nước phổ biến cao hơn từ 20-60%, có nơi trên 100% so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 3a*).

Tháng 12/2024, tại khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, phía Tây của Tây Nguyên và một số nơi tại miền Đông Nam Bộ có TLM phổ biến thấp hơn 20-40mm so với TBNN. Các khu vực khác TLM phổ biến cao hơn 30-60mm, có nơi trên 80mm. Đặc biệt tại Trung và Nam Trung Bộ TLM phổ biến cao hơn từ 100-200mm, có nơi 350mm so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 3b*).

Trong nửa đầu tháng 01/2025, tại các địa phương trên cả nước hầu như không mưa; riêng khu vực từ Hà Tĩnh đến Phú Yên có mưa với TLM phổ biến 20-50mm, có nơi trên 70mm (ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 10-40mm, cá biệt có nơi TLM cao hơn TBNN cùng kỳ 20-40mm).

1.2. Tình hình thủy văn, nguồn nước

a) Khu vực Bắc Bộ

Tháng 11-12/2024, mực nước trên các sông thuộc khu vực Bắc Bộ phổ biến biến đổi chậm; tại các trạm ở hạ lưu hồ chứa mực nước dao động theo sự điều tiết của thủy điện tuyến trên; khu vực hạ lưu chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

Từ giữa tháng 01/2025, mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội, sông Lô tại Tuyên Quang biến đổi theo xu thế lên do các nhà máy thủy điện vận hành tăng cường phát điện để tăng cường nguồn nước về hạ du phục vụ thời kỳ đổ ải.

Nguồn nước trên các sông Đà đến các hồ chứa lớn Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, sông Lô tại Tuyên Quang thấp hơn TBNN từ 10-45%; trên sông Thao tại Yên Bái, hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội, sông Cầu tại Gia Bảy, sông Lục Nam tại Chũ và các sông ở Lạng Sơn, Cao Bằng thấp hơn TBNN từ 5-20%.

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng dung tích các hồ chứa thủy điện lớn trên sông Hồng ở mức tương đương với cùng kỳ năm 2024.

b) Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên

+ *Bắc Trung Bộ:*

Trong tháng 11/2024, mực nước các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An dao động theo xu thế xuống; các sông ở Hà Tĩnh xuất hiện 2 đợt lũ nhỏ vào các ngày 04-06/11 và ngày 26-27/11, mực nước đỉnh lũ trên các sông còn dưới mức báo động (BĐ) 1, riêng thượng nguồn sông Ngàn Sâu tại Chu Lễ lên mức 12,09m

(0h/06/11), trên BĐ1 là 0,59m. Tháng 12, mực nước các sông ở Bắc Trung Bộ biến đổi chậm theo xu thế xuống dần.

Lưu lượng dòng chảy tháng 11-12/2024, trên các sông ở Thanh Hóa cao hơn TBNN cùng kỳ từ 7-22%; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 17-40%. Các sông ở Hà Tĩnh: Sông Ngàn Sâu cao hơn từ 40-45%, sông Ngàn Phố cao hơn 12% trong tháng 11 và thấp hơn 6% trong tháng 12.

Nửa đầu tháng 01/2025, mực nước thượng lưu trên các sông trong khu vực biến đổi chậm theo xu thế xuống, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 26%, sông Cả tại Yên Thượng xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn 13%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 50%.

+ *Trung Trung Bộ:*

Tháng 11-12/2024, trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi đã xuất hiện 04 đợt lũ cụ thể như sau:

+ Đợt 1 từ ngày 04-07/11: Đỉnh lũ trên sông Gianh (Quảng Bình) tại Mai Hóa 5,52m (18h/05/11), trên BĐ2 là 0,52m; các sông khác ở trên mức BĐ1.

+ Đợt 2 từ ngày 23-27/11: Đỉnh lũ trên sông Bồ (Huế) tại Phú Ốc 4,35m (14h/26/11), dưới BĐ3 là 0,15m; sông Hương (Huế) tại Kim Long 3,06m (08h/25/11), dưới BĐ3 là 0,44m; sông Vệ tại Sông Vệ (Quảng Ngãi) 5,28m (18h/24/11), trên BĐ3 là 0,78m; các sông ở Quảng Bình, Quảng Nam và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) trên mức BĐ1.

+ Đợt 3 từ ngày 12-15/12: Đỉnh lũ trên các sông từ Huế đến Quảng Ngãi ở mức BĐ1-BĐ2, riêng sông Vệ (Quảng Ngãi) lên trên mức BĐ2.

+ Đợt 4 từ ngày 27-29/12: Đỉnh lũ trên sông Vệ ở trên mức BĐ2, sông Trà Khúc dưới mức BĐ1.

Nửa đầu tháng 01/2025, mực nước trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi biến đổi chậm.

Lưu lượng dòng chảy từ tháng 11-12/2024, trên các sông từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 11-28%; sông Vệ (Quảng Ngãi) thấp hơn khoảng 75%; các sông Quảng Bình, sông Tả Trạch (Huế) và sông Thu Bồn (Quảng Nam) cao hơn TBNN cùng kỳ từ 18-60%.

Tình hình mực nước hồ chứa thủy điện chính khu vực Trung Trung Bộ ở mức xấp xỉ và dưới mực nước dâng bình thường (MNDBT) từ 0,5-1,0m. Dung tích các hồ thủy điện phổ biến đạt từ 97-100% dung tích hồ.

+ *Nam Trung Bộ:*

Tháng 11-12/2024, trên các sông từ Bình Định đến Khánh Hoà đã xảy ra một số đợt lũ với biên độ lũ dao động từ 2-4m như các đợt lũ từ ngày 04-07/11; 11-13/11; 22-24/11; 11-15/12 và 23-29/12. Trong các đợt lũ này, mực nước đỉnh

lũ trên sông Kôn tại Vĩnh Sơn, trên sông An Lão tại An Hòa đã vượt mức BĐ2, đỉnh lũ hạ lưu sông Kôn tại Thạch Hòa, sông Dinh tại Ninh Hòa trên BĐ1. Các sông khác có mực nước đỉnh lũ xấp xỉ và dưới mức BĐ1. Đến cuối tháng 12/2024, tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) cao hơn 81% so với TBNN, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 54%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 77%, sông Lũy (Bình Thuận) thấp hơn 32%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 88%.

Trong nửa đầu tháng 01/2025, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Mực nước hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều. Lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN, riêng tại Đồng Trăng và An Hòa cao hơn so với TBNN.

Tình hình mực nước các hồ chứa thủy điện vừa và lớn ở mức thấp hơn MNDBT từ 0,5-1,0m. Dung tích các hồ thủy điện phổ biến đạt từ 70-100% dung tích hồ.

+ *Tây Nguyên:*

Trên các sông Krông Ana (Đắk Lắk), sông Cam Ly (Lâm Đồng) đã xuất một số đợt lũ nhỏ. Đỉnh lũ trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn là 420,75m (11h/18/12), trên BĐ1 là 0,75m, trên sông Cam Ly tại trạm Thanh Bình 831,56m (19h/07/12), trên BĐ1 là 0,56m. Mực nước trên các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và công trình thủy lợi.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông có xu thế giảm dần. Dòng chảy trên các sông chính phổ biến thấp hơn TBNN từ 40-80%, một số sông khác ở mức cao hơn như sông Pô Kô, EaKrông, Đắk Nông và Cam Ly.

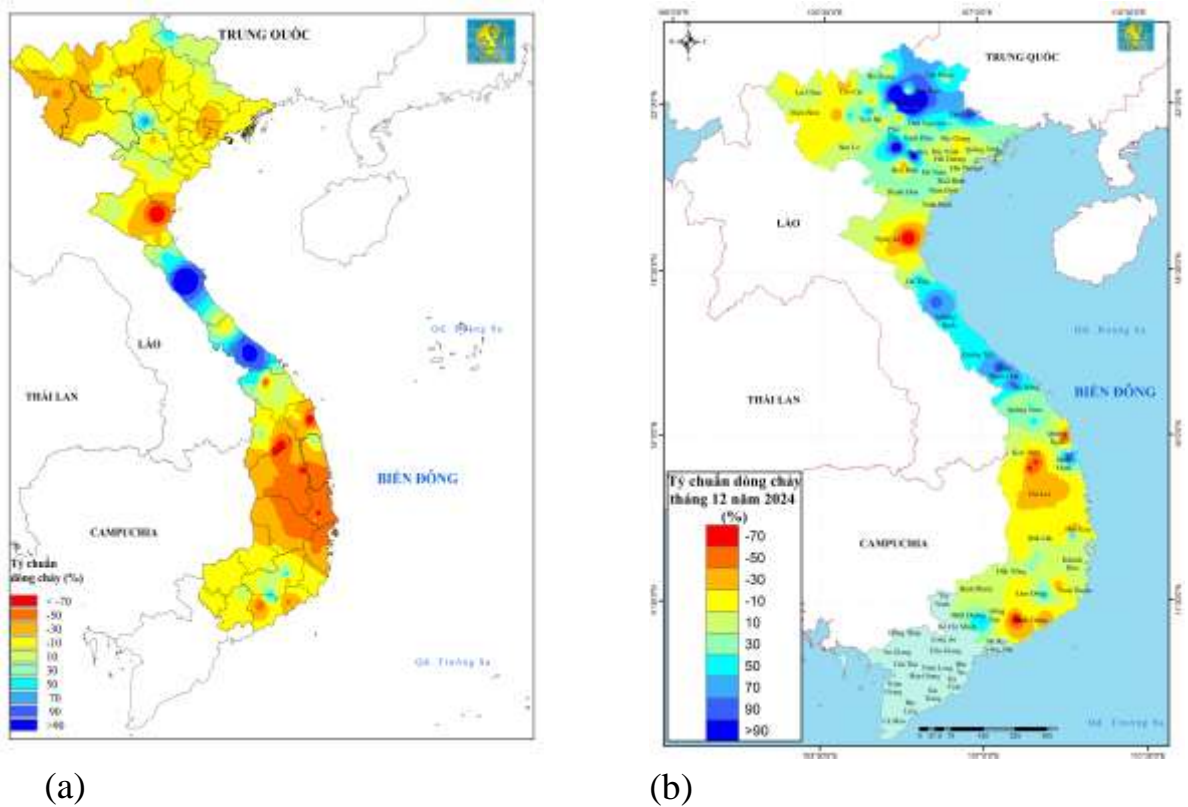
c) *Khu vực Nam Bộ*

Sông Đồng Nai: Từ tháng 11/2024 đến nay, mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài biến đổi chậm với xu thế xuống dần.

Sông Cửu Long: Mực nước các trạm trên dòng chính sông Mê Công biến đổi chậm với xu thế xuống dần và phổ biến ở mức thấp hơn TBNN (2012- 2024) từ 0,05-1,0m. Hiện tại, mực nước Biển Hồ tại trạm Kompong Luong thấp hơn 0,36m so với TBNN và cùng kỳ năm 2024.

Tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Công (trạm Kratie-Campuchia) về Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) từ đầu tháng 11 đến nay, ở mức thấp hơn 6-10% so với cùng kỳ năm 2023-2024 và TBNN.

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống dần. Hiện tại, mực nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu 1,63m cao hơn TBNN khoảng 0,1m và trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,90m cao hơn TBNN khoảng 0,25m.



Hình 4: (a) Bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 11/2024
và (b) bản đồ tỷ chuẩn (%) dòng chảy tháng 12/2024

1.3. Tình hình hải văn:

Sóng biển: Từ tháng 11/2024 đến nửa đầu tháng 01/2025 xuất hiện những đợt KKL mạnh, gây sóng lớn ngoài biển Đông (sóng cao 4,0-6,0m) và trên các vùng biển (Vịnh Bắc Bộ 2,0-4,0m, Trung Bộ và Nam Bộ 4,0-6,0m). Cũng trong giai đoạn này, trên khu vực Biển Đông xuất hiện 04 cơn bão và gây sóng lớn ngoài Biển Đông (điển hình là cơn bão YINXING gây sóng lớn 7,0-9,0m cho khu vực Bắc Biển Đông) và các vùng biển Trung Bộ và Nam Bộ.

Triều cường: Từ tháng 11/2024 đến nửa đầu tháng 01/2025, khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 05 đợt triều cường. Trong đó, đợt triều cường ngày 12-21/12/2024, mực nước cao nhất quan trắc được tại Vũng Tàu trong đợt triều cường này đạt 4,23m lúc 00 giờ 00 phút ngày 16/12/2024 đã gây ngập nhiều nơi tại các tỉnh ven biển Đông Nam Bộ. Triều cường đã làm giảm khả năng thoát nước trên các sông, gây ngập lụt các khu vực trũng thấp.

2. Dự báo khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 02-4/2025

2.1. Khí tượng

- **Hiện tượng ENSO:** Hiện tại, hiện tượng ENSO đang trong điều kiện La Nina, với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực xích đạo trung tâm Thái Bình Dương thấp hơn TBNN $0,7^{\circ}\text{C}$ trong tuần đầu tháng 01/2025. Sau đó, La Nina tiếp tục duy trì với xác suất khoảng 55-65% trong tháng 02-4/2025.

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 02-4/2025, bão/ATNĐ ít có khả năng hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta (ở mức xấp xỉ so với TBNN: Trên Biển Đông: 0,4 cơn, đổ bộ vào đất liền: 0 cơn).

- *KKL và rét đậm, rét hại (RĐ, RH)*: KKL có khả năng hoạt động mạnh trong tháng 02/2025 và gây ra các đợt RĐ, RH; tháng 3/2025 hoạt động của KKL xấp xỉ TBNN. Cần đề phòng khả năng xảy ra những đợt RĐ, RH kèm theo hiện tượng băng giá, mưa tuyết trong thời gian này, đặc biệt tại vùng núi Bắc Bộ.

- Trên phạm vi cả nước tiếp tục có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

- *Nắng nóng*: Có khả năng xuất hiện xấp xỉ TBNN tại khu vực Nam Bộ (tập trung ở miền Đông), khu Tây Bắc Bắc Bộ và Trung Bộ; cường độ nắng nóng có khả năng ít gay gắt hơn so với năm 2024.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*: Gió mùa Đông Bắc có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên các vùng biển. Hiện tượng đông, lốc, sét, mưa đá, RĐ, RH, băng giá, mưa tuyết có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp và sức khỏe cộng đồng ở các khu vực trên phạm vi toàn quốc. Các đợt nắng nóng gây ảnh hưởng tiêu cực đến sinh hoạt và sức khỏe cộng đồng.

- *Nhiệt độ trung bình*: Tháng 02-4/2025, NĐTB phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN; riêng tháng 4/2025, NĐTB tại khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cao hơn 0,5-1,0⁰C so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 5a, 6a, 7a*).

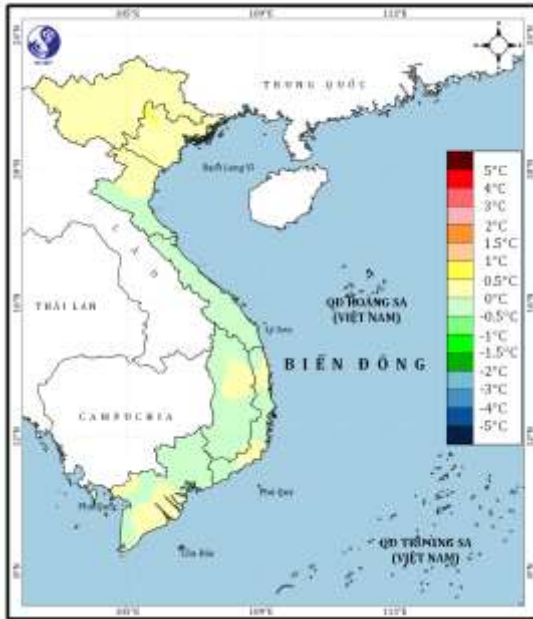
- *Tổng lượng mưa*:

+ Khu vực Bắc Bộ: Tháng 02/2025, TLM ở khu vực Bắc Bộ xấp xỉ so với TBNN, TLM phổ biến từ 20-40mm. Tháng 3/2025 TLM cao hơn 5-10mm so với TBNN, TLM phổ biến 50-80mm. Tháng 4/2025 TLM thấp hơn 5-15mm so với TBNN, TLM phổ biến 70-120mm.

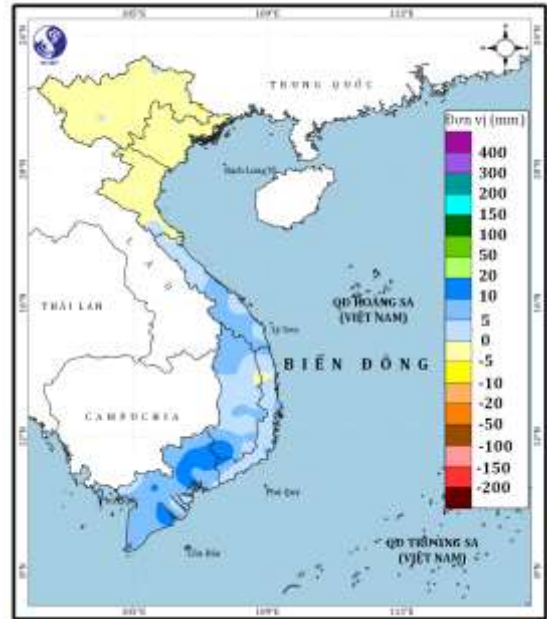
+ Khu vực Trung Bộ: Tháng 02/2025, TLM ở khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến xấp xỉ TBNN, TLM phổ biến 20-50mm, riêng Hà Tĩnh có nơi trên 100mm; khu vực Trung và Nam Trung Bộ cao hơn 5-15mm so với TBNN, TLM phổ biến 30-60mm, có nơi cao hơn, riêng các tỉnh Ninh Thuận-Bình Thuận ít mưa. Tháng 3-4/2025, TLM ở khu vực Trung Bộ xấp xỉ so với TBNN, riêng khu vực Nam Trung Bộ trong tháng 4/2025 cao hơn 5-15mm so với TBNN; cụ thể, TLM tháng 3/2025 phổ biến 30-70mm, TLM tháng 4/2025 phổ biến 50-100mm, có nơi cao hơn.

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ: Từ tháng 02-4/2025, TLM ở khu vực

Tây Nguyên và Nam Bộ phổ biến cao hơn TBNN khoảng 5-25mm. Cụ thể, tháng 02/2025 TLM phổ biến 10-30mm, có nơi trên 30mm; tháng 3/2025, TLM ở khu vực Tây Nguyên phổ biến từ 20-50mm, khu vực Nam Bộ TLM phổ biến 15-30mm; có nơi cao hơn; tháng 4/2025, TLM phổ biến 50-100mm, có nơi cao hơn.

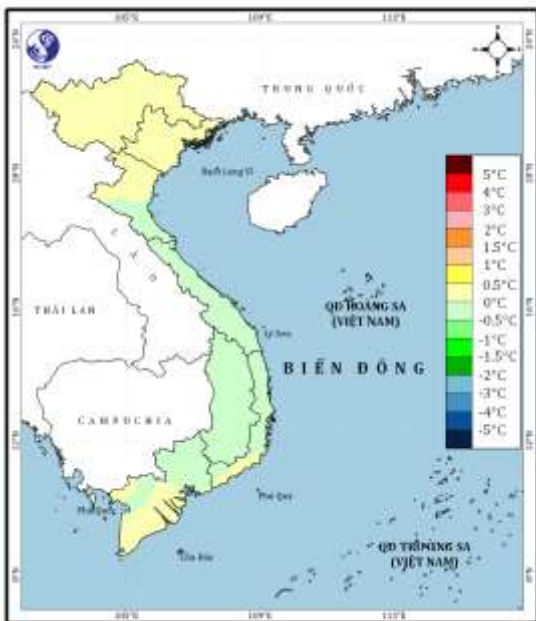


(a)

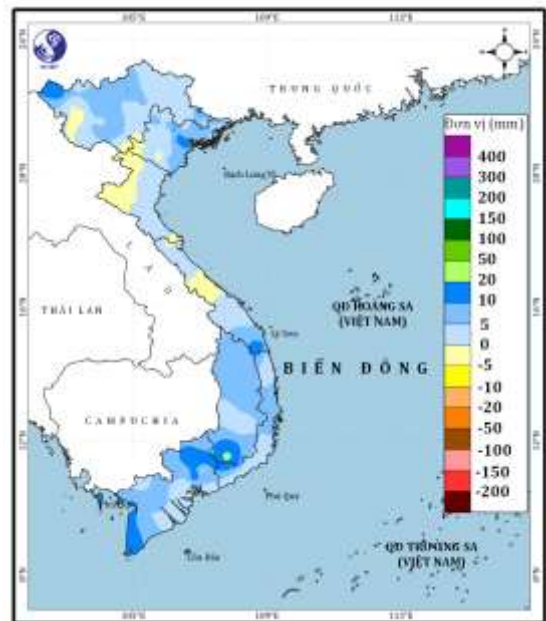


(b)

Hình 5: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 02/2025 và (b) dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 02/2025.

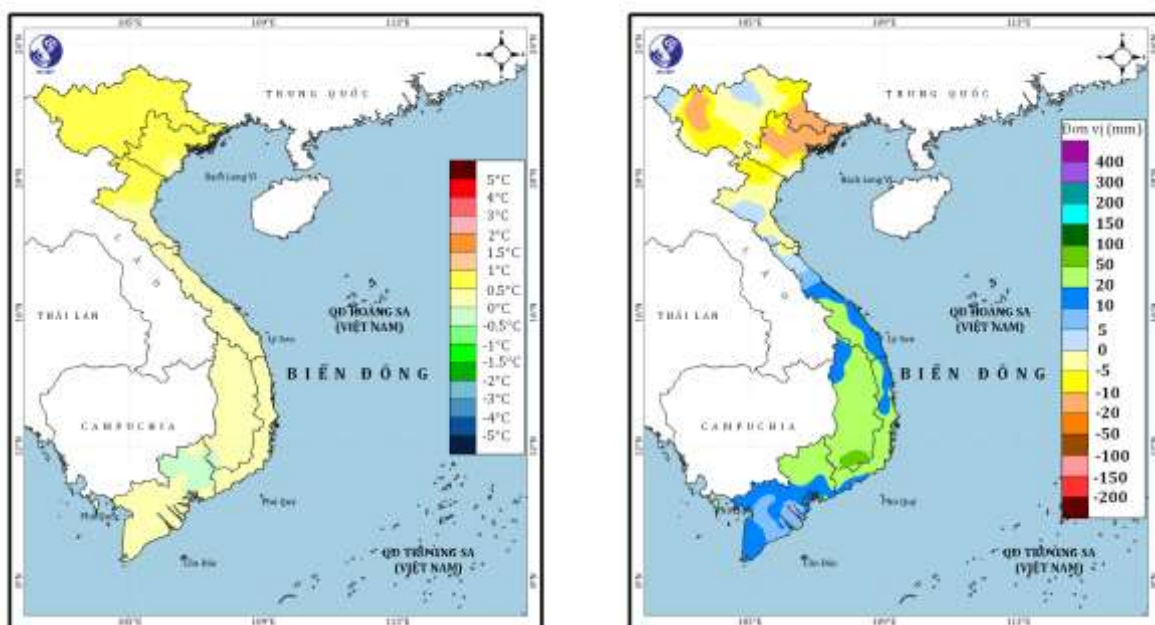


(a)



(b)

Hình 6: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 3/2025 và (b) dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 3/2025.



(a)

(b)

Hình 7: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 4/2025 và (b) dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 4/2025.

+ Lưu vực sông Mê Kông: Tại các khu vực thượng lưu, trung lưu và hạ lưu trong tháng 02/2025 phổ biến ít mưa. Tháng 3-4/2025 TLM khu vực thượng lưu xấp xỉ TBNN, khu vực trung lưu thấp hơn từ 5-10% TBNN, khu vực hạ lưu cao hơn 5-10% so với TBNN cùng thời kỳ.

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ tháng 02-4/2025

Khu vực dự báo	Tháng 02/2025		Tháng 3/2024		Tháng 4/2025	
	Ttb ($^{\circ}\text{C}$)	TLM (mm)	Ttb ($^{\circ}\text{C}$)	TLM (mm)	Ttb ($^{\circ}\text{C}$)	TLM (mm)
Sơn La (Miền núi phía Bắc)	17,5-18,5	15-30	20,5-21,5	40-70	23,5-24,5	70-120
Việt Trì (Miền núi phía Bắc)	18,0-19,0	15-30	20,5-21,5	40-70	24,5-25,5	50-100
Hải Phòng (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	17,5-18,5	15-30	19,5-20,5	40-70	23,5-24,5	40-80
Hà Đông (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	18,5-19,5	15-30	20,5-21,5	40-70	24,5-25,5	50-100
Vinh (Bắc Trung Bộ)	18,5-19,5	20-50	20,5-21,5	30-60	24,5-25,5	40-80
Huế (Trung Trung Bộ)	20,5-21,5	40-70	23,0-24,0	40-70	25,5-26,5	50-100
Nha Trang (Nam Trung Bộ)	24,5-25,5	10-20	25,5-26,5	20-40	27,5-28,5	40-80
Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên)	22,5-23,5	<15	24,5-25,5	20-40	26,0-27,0	70-120

Khu vực dự báo	Tháng 02/2025		Tháng 3/2024		Tháng 4/2025	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Châu Đốc (Nam Bộ)	26,0-27,0	<15	27,5-28,5	10-20	28,5-29,5	70-120

2.2. Thủy văn và nguồn nước

a) Khu vực Bắc Bộ

Lưu lượng dòng chảy đến các hồ chứa lớn trên sông Đà tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên và ở mức thấp, phổ biến thấp hơn TBNN từ 5-20%; dòng chảy đến hồ Tuyên Quang xấp xỉ TBNN, riêng hồ Thác Bà có khả năng xấp xỉ và thấp hơn TBNN.

Mức nước trên các sông chính ở khu vực Bắc Bộ phổ biến có xu thế biến đổi chậm, khu vực hạ lưu tiếp tục chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Riêng giai đoạn từ 15-16/01 và 8-14/02/2025, mức nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội, sông Lô tại Tuyên Quang sẽ tăng do các hồ thủy điện tăng cường phát điện phục vụ đồ ải Đông Xuân năm 2025.

Dòng chảy trên các sông ở khu vực Bắc Bộ trong ba tháng tới phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN từ 10-40%, riêng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang, trên sông Thao tại Yên Bái có khả năng thấp hơn TBNN từ 45-60%.

b) Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên

+ Bắc Trung Bộ:

Mức nước thượng lưu các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm dần. Lưu lượng dòng chảy từ tháng 02-4/2025, trên các sông ở Thanh Hóa ở mức xấp xỉ và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 10-15%; hạ lưu các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 10-15%, sông Ngàn Phố thấp hơn từ 20-33%; sông Ngàn Sâu cao hơn từ 10-28%.

+ Trung Trung Bộ:

Mức nước trên các sông Quảng Bình đến Quảng Ngãi biến đổi chậm và có xu thế hạ thấp dần từ tháng 02/2025.

Lượng dòng chảy trên các sông xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 10-28%, sông Tả Trạch ở mức cao hơn trên 70%; các sông Quảng Trị, Vu Gia (Quảng Nam) và sông Vệ (Quảng Ngãi) thấp hơn từ 45-62%.

+ Nam Trung Bộ:

Mức nước trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận biến đổi chậm theo xu thế xuống dần. Lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN, riêng tại Đồng Trăng cao hơn so với TBNN.

+ *Tây Nguyên:*

Mức nước trên các sông dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và có xu thế xuống dần.

Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 15-55%, riêng sông EaKrông, sông Đăk Nông, sông Cam Ly ở mức cao hơn TBNN.

c) *Khu vực Nam Bộ*

Sông Đồng Nai: Từ tháng 02-4/2025, mức nước biến đổi chậm với xu thế xuống dần.

Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy trên sông Mê Công về hạ lưu và ĐBSCL giảm dần. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 01-02/2025 ở mức thấp hơn từ 10-15% so với TBNN; từ tháng 3-4/2025 ở mức thấp hơn từ 5-10% so với TBNN.

Mức nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều. Xâm nhập mặn ở ĐBSCL ở mức cao hơn TBNN. Các đợt xâm nhập mặn cao nhất ở cửa sông Cửu Long khả năng tập trung trong tháng 02-3/2025 (từ ngày 29/01-03/02; 10-16/02; 27/02-04/3); các sông Vàm Cỏ, Cái Lớn vào tháng 3-4/2025 (từ ngày 27/02-4/3; 10-15/3; 29/3-02/4; 27/4-01/5).

Tình hình xâm nhập mặn ở ĐBSCL phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Công, triều cường và còn biến động trong thời gian tới. Các địa phương ở vùng ĐBSCL cần cập nhật kịp thời các thông tin dự báo khí tượng thủy văn và có các biện pháp chủ động phòng chống xâm nhập mặn.

Bảng 2: Dự báo thủy văn từ tháng 02-4/2025

Sông	Trạm	Tháng 02/2025			Tháng 3/2025			Tháng 4/2025		
		H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)
Đà	Hồ Hòa Bình (Q)	40	1800	510	40	1800	520	40	1900	530
Thao	Yên Bái	2400	2500	2420	2420	2550	2450	2450	2600	2500
	Phú Thọ	1050	1160	1120	1030	1150	1070	1050	1200	1100
Lô	Tuyên Quang	1150	1470	1300	1140	1380	1250	1130	1350	1260
	Vụ Quang	450	650	515	440	630	490	420	580	450
Cầu	Đáp Cầu	1	130	50	10	125	55	10	120	60
Thương	Phủ Lạng Thương	-25	135	45	-20	135	50	-10	130	55
Lục Nam	Lục Nam	-45	140	35	-35	135	40	-20	135	50
Thái Bình	Phả Lại	-40	145	50	-35	140	50	-25	135	60
Hồng	Hà Nội	25	210	100	20	185	90	30	200	115
Hoàng Long	Bến Đé	-30	110	35	-35	100	30	-25	115	40

Sông	Trạm	Tháng 02/2025			Tháng 3/2025			Tháng 4/2025		
		H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)	H _{min} (cm)	H _{max} (cm)	H _{TB} (cm)
Mã	Giàng	-125	180	28	-115	165	27	-120	160	25
Cả	Nam Đàn	-90	140	45	-80	125	42	-90	130	35
La	Linh Cẩm	-105	140	20	-110	130	15	-115	125	14
Gianh	Mai Hóa	-90	98	12	-92	90	5	-85	95	2
Hương	Kim Long	15	75	40	12	60	38	10	58	36
Thu Bồn	Câu Lâu	-50	90	28	-50	85	15	-52	75	10
Trà Khúc	Trà Khúc	10	130	55	-5	98	40	-10	85	38
Kôn	Thanh Hòa	640	695	660	645	690	670	630	680	660
Đà Rằng	Phú Lâm	-80	95	-8	-85	92	-3	-90	90	5
Đắkbla	Kon Tum	51530	51615	51589	51525	51620	51587	51515	51615	51590
Krông Ana	Giang Sơn	41490	41600	41535	41455	41520	41470	41445	41500	41466
Đồng Nai	Tà Lài	11010	11060	11035	11005	11050	11025	11000	11040	11020
Tiền	Tân Châu	-15	160	75	-35	155	65	-35	150	60
Hậu	Châu Đốc	-15	175	85	-30	170	75	-30	165	70

Bảng 3: Dự báo nguồn nước từ tháng 02-4/2025

Sông	Trạm	Tháng 02/2025		Tháng 3/2025		Tháng 4/2025	
		Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)
Đà	Hồ Hòa Bình	10-20	1234	20-40	1393	50-100	1374
Thao	Yên Bái	20-40	242	50-100	241	70-120	259
Lô	Tuyên Quang	15-30	435	40-70	348	70-120	363
Hồng	Hà Nội	15-30	2564	40-70	2558	50-100	3136
Cầu	Gia Bảy	20-40	31	50-100	38	50-100	54
Lục Nam	Chũ	15-30	7	40-70	8	50-100	14
Mã	Cẩm Thủy	10-20	363	30-60	388	50-100	324
Cả	Yên Thượng	20-40	447.6	30-60	471.4	50-100	440.6
La	Hòa Duyệt	30-60	164.5	50-100	147.3	70-120	121.8
Tả Trạch	Thượng Nhật	40-70	37.6	50-100	30.8	80-150	24.6
Thu Bồn	Nông Sơn	60-110	363	70-120	308	80-150	239
Trà Khúc	Sơn Giang	50-100	302	70-120	254	70-120	213
Ba	Cùng Sơn	10-20	125	30-60	105	40-70	95
Cái Nha Trang	Đông Trăng	10-20	135	30-60	95	50-100	85
ĐắkBla	KonTum	5-15	35.8	30-60	39.1	100-200	38.6
Srêpôk	Giang Sơn	<10	76.4	20-40	45.5	80-150	42.0
Tiền	Tân Châu	<10	10950	10-20	9750	70-120	9850

Sông	Trạm	Tháng 02/2025		Tháng 3/2025		Tháng 4/2025	
		Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)	Tổng mưa (mm)	Tổng nước mặt (triệu m ³)
Hậu	Châu Đốc	<10	1250	20-40	1050	70-120	1100

2.3. Hải văn

- *Sóng biển*: Từ nửa cuối tháng 01 đến tháng 4/2025, sóng lớn trong các đợt gió KKL mạnh, kéo dài có thể cao từ 2,0-5,0m tại vùng biển ven bờ và từ 4,0-6,0m trên vùng biển ngoài khơi Bắc và Giữa Biển Đông. Hiện tượng sạt lở bờ biển tiếp tục diễn biến phức tạp nhất là trong các đợt triều cường kết hợp với gió mùa Đông Bắc mạnh.

- *Triều cường*: Từ nửa cuối tháng 01 đến tháng 4/2025, tại khu vực ven biển Đông Nam Bộ xuất hiện 08 đợt triều cường, đợt 1 từ ngày 15-16/01/2025; đợt 2 từ ngày 29/01-05/02/2025, đợt 3 từ ngày 10-15/02, đợt 4 từ 28/02-05/3/2025, đợt 5 từ ngày 13-18/3, đợt 6 từ 29/3-03/4, đợt 7 từ 11-17/4 và đợt 8 từ ngày 27/4-30/4/2025. Mực nước lớn nhất tại trạm Vũng Tàu trong giai đoạn này có thể đạt 4,2m trong khoảng thời gian từ 01-03h ngày 31/3, các vùng trũng, thấp, ven sông và vùng ngoài đê bao khu vực ven biển phía Đông Nam Bộ có khả năng ngập úng. Triều cường cao trong giai đoạn này ngoài gây úng ở các vùng trũng, thấp ven biển, cửa sông còn làm gia tăng xâm nhập mặn trong nội đồng.

- Dự tính thủy triều:

Bảng 4: Dự tính thủy triều từ tháng 02-4/2025

Vị trí	Tháng 02/2025						Tháng 3/2025						Tháng 4/2025					
	Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng		
	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày	Hx	Thời gian	Ngày	Hm	Thời gian	Ngày
Cô Tô	398	2h00	26	40	14h00	11	382	0h00	26	47	10h00	25	389	20h45	20	30	06h43	20
Bạch Long Vỹ	324	2h45	11	-16	15h16	11	309	0h14	10	-4	13h01	10	310	21h34	05	-3	10h29	06

Vị trí	Tháng 02/2025						Tháng 3/2025						Tháng 4/2025					
	Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng			Nước lớn			Nước ròng		
Hòn Ngự	264	3h00	11	11	16h00	10	243	0h00	10	11	12h00	8	281	16h31	30	-14	10h22	04
Hoàng Sa	138	19h00	10	-13	4h00	11	126	15h00	8	-2	2h00	10	138	09h47	30	-9	18h25	30
Lý Sơn	200	20h00	11	64	7h00	1	178	15h00	8	64	2h00	10	230	00h00	23	43	18h24	30
Trường Sa	320	20h00	11	156	5h00	11	307	15h00	8	168	3h00	10	319	10h17	30	159	19h03	30
Phú Quý	293	17h00	9	127	8h00	1	290	16h00	9	143	7h00	1	290	14h30	05	135	22h30	04
Côn Đảo	343	3h00	1	43	8h00	12	353	3h00	31	63	9h00	1	347	03h30	29	77	00h50	05
Thổ Chu	125	1h00	10	83	14h00	9	122	22h00	8	86	10h00	7	127	16h05	30	81	06h20	30

3. Xu thế khí tượng, thủy văn, hải văn từ tháng 5-7/2025

3.1. Khí tượng

- *Hiện tượng ENSO*: Từ tháng 5-7/2025, hiện tượng ENSO có khả năng ở trạng thái trung tính.

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 5-7/2025 hoạt động bão/ATNĐ trên Biển Đông và đổ bộ ở mức tương đương TBNN (TBNN trên Biển Đông: 3,2 cơn, đổ bộ vào đất liền: 1,2 cơn).

- *Nắng nóng*: Tiếp tục xảy ra ở Nam Bộ và Tây Nguyên trong tháng 5 (giảm dần từ nửa cuối tháng 5) và có khả năng chấm dứt trong tháng 6/2025. Từ tháng 5-7/2025, ở khu vực Bắc Bộ, nắng nóng lan dần sang phía Đông, khu vực Trung Bộ nắng nóng có khả năng duy trì nhiều ngày trong thời kỳ này. Đề phòng xảy ra nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt tại các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*: Bão, ATNĐ và gió mùa Tây Nam có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên các vùng biển phía Nam

từ khoảng nửa cuối tháng 5/2025; hiện tượng nắng nóng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

- *Nhiệt độ trung bình*: Từ tháng 5-7/2025, NĐTĐ trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN; riêng khu vực Bắc Bộ nhiệt độ có thể cao hơn 0,5-1,0°C trong tháng 7/2025.

- *Xu thế lượng mưa*:

+ Khu vực Bắc Bộ: Từ tháng 5-7/2025, TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (TBNN: Tháng 5 phổ biến 150-300mm, tháng 6 phổ biến 150-250mm, khu vực vùng núi: 250-500mm, có nơi trên 500mm; tháng 7 phổ biến: 250-500mm, có nơi cao hơn).

+ Khu vực Trung Bộ: Tháng 5-7/2025, TLM phổ biến cao hơn 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ, riêng khu vực từ Nghệ An đến Huế trong tháng 6-7/2025 cao hơn từ 15-40% so với TBNN (TBNN: Tháng 5-6 phổ biến 70-120mm/tháng; riêng Bắc Trung Bộ 100-200mm, có nơi cao hơn; tháng 7 phổ biến 100-300mm, phía Nam có nơi thấp hơn).

+ Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ: Từ tháng 5-7/2025, TLM phổ biến cao hơn 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ (TBNN: Tháng 5 phổ biến 150-250mm, tháng 6 phổ biến 200-300mm, tháng 7 phổ biến 250-400mm).

+ Lưu vực sông Mê Kông: TLM trên các khu vực thượng lưu, trung lưu và hạ lưu trong các tháng từ 5-7/2025 phổ biến cao hơn từ 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ.

3.2. Thủy văn và nguồn nước

a) Khu vực Bắc Bộ

Từ tháng 5-7/2025, nguồn nước trên các sông và các hồ chứa lớn khu vực Bắc Bộ phổ biến ở mức thiếu hụt so với TBNN từ 10-40%, riêng các hồ chứa Tuyên Quang (sông Gâm) và Thác Bà (sông Chảy) ở mức xấp xỉ so với TBNN.

Mực nước các sông ở khu vực Bắc Bộ có xu thế lên dần.

b) Khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên

+ Bắc Trung Bộ:

Từ nửa cuối tháng 5/2025, thượng nguồn các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động. Tháng 6-7/2025, thượng nguồn các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ nhỏ. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An tăng dần, các sông ở Hà Tĩnh ít biến đổi. Các sông ở Thanh Hóa xấp xỉ TBNN cùng kỳ; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 30-40%; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Phố thấp hơn từ 30-50%, sông Ngàn Sâu ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

+ *Trung Trung Bộ:*

Tháng 4/2025, mực nước biến đổi chậm và theo xu thế hạ thấp dần. Từ tháng 5-7/2025, mực nước trên thượng lưu các sông khả năng xuất hiện 1-2 đợt có dao động nhỏ.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông Quảng Bình đến Quảng Ngãi phổ biến thấp hơn TBNN từ 10-52%, các sông Quảng Trị thấp hơn từ 70-80%; sông Tả Trạch (Huế) và sông Trà Khúc ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 20-35%.

+ *Nam Trung Bộ:*

Từ tháng 5-7/2025 trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận mực nước trên các sông xuống dần.

Lượng dòng chảy trên các sông Bình Định, Khánh Hòa ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 15-30%; các sông khác thấp hơn từ 30-60% so với TBNN.

Tình trạng hạn hán, thiếu nước cục bộ có khả năng xảy ra tại một số nơi không có công trình thủy lợi thuộc các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Phú Yên.

+ *Tây Nguyên:*

Mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi, có xu thế lên dần.

Tổng lượng nước trên các sông sẽ tăng trở lại, phổ biến thấp hơn từ 20-65%, một số sông ở mức cao hơn như sông Eakrông và sông Đăk Nông, sông Cam Ly.

Tình trạng hạn hán, thiếu nước cục bộ có khả năng xảy ra tại một số địa phương thuộc các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đăk Lăk.

c) *Khu vực Nam Bộ*

Sông Đồng Nai: Mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài có khả năng xuất hiện 2-3 đợt dao động.

Sông Cửu Long: Tổng lượng về ĐBSCL biến đổi chậm với xu thế lên dần và ở mức cao hơn TBNN từ 5-10%.

Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều và ở mức tương đương TBNN. Từ cuối tháng 5/2025, xâm nhập mặn ở ĐBSCL có xu thế giảm dần.

3.3. *Hải văn*

- Từ tháng 5-7/2025, gió mùa Đông Bắc suy yếu, trong khi gió mùa Tây Nam bắt đầu hoạt động, đặc biệt là trên khu vực Nam Biển Đông. Sóng ở vùng biển từ Bình Định đến Ninh Thuận có thể đạt 2,0-5,0m, có lúc trên 5,0m. Ở Vịnh Thái Lan, sóng phổ biến dao động từ 1,0-2,5m. Nam Biển Đông có thể đạt 3,0-6,0m. Trong giai đoạn này, vùng ven biển các tỉnh cũng cần lưu ý đề phòng sóng lớn kết hợp với nước dâng do ảnh hưởng của bão/ATNĐ trong khoảng thời gian từ tháng 5-7/2025, nguy cơ cao gây sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Từ tháng 5-7/2025 dao động mực nước ở khu vực ven biển phía Đông Nam Bộ, bao gồm Thành phố Hồ chí Minh và các tỉnh lân cận xuất hiện 06 đợt triều cường: đợt 1 từ ngày 12-16/5/2025, đợt 2 từ ngày 26-30/5/2025 và đợt 3 từ ngày 11-16/6, đợt 4 từ ngày 25-27/6/2025, đợt 5 từ ngày 10-15/7, đợt 6 từ ngày 23-28/7. Các khu vực trũng, thấp ở cửa sông ven biển, vùng ven biển chịu ảnh hưởng của triều cường tại các tỉnh ven biển khu vực phía Đông Nam Bộ có nguy cơ ngập, lụt. Ngoài ra, triều cường còn gây xâm nhập mặn sâu vào các nhánh sông, ảnh hưởng đến nguồn nước và sản xuất nông nghiệp.

Tin phát ngày: 15/01/2025.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15/02/2025./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ TN&MT;
- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Ban chỉ đạo quốc gia về PCTT;
- Văn phòng UBQG UPSC thiên tai&TKCN;
- Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (Bộ QP);
- Cục BĐKH; Cục Quản lý TNN;
- Viện KTTV&BĐKH; Viện ĐC&KS;
- Ủy ban sông Mê Kông Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng cục KTTV;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục KTTV;
- Lãnh đạo Trung tâm, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, ĐBKH. ĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Phúc Lâm

PHỤ LỤC

Bảng 1. Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong tháng 11/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Mưa lớn kèm theo dông, lốc	Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Lâm Đồng	05/11/2024
Dông lốc	Quảng Ngãi	13/11/2024

Bảng 2: Nhiệt độ cao nhất ngày ($^{\circ}\text{C}$) trong tháng 11/2024 vượt GTLS cùng thời kỳ

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 11	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tam Đường (Lai Châu)	29,5	2017	29,7	01/11/2024
Lào Cai	32,5	2009	33,2	01/11/2024
Yên Bái	33,1	1962	34,0	01/11/2024
Lục Yên (Yên Bái)	33,5	1962,2009	34,0	01/11/2024
Hà Giang	32,4	1974,2022	33,4	01/11/2024
Bắc Quang (Hà Giang)	33,6	1973	33,9	01/11/2024
Hàm Yên (Tuyên Quang)	33,8	2009	34,3	01/11/2024
Định Hóa (Thái Nguyên)	33,7	1997	34,1	01/11/2024
Móng Cái (Quảng Ninh)	32,0	2013	32,4	01/11/2024
Ba Tri (Bến Tre)	34,0	2023	34,5	01/11/2024
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	23,1	2016	24,1	14/11/2024
Đình Lập (Lạng Sơn)	33,1	1974	33,2	15/11/2024
Tiên Yên (Quảng Ninh)	32,5	2006	33,4	15/11/2024
Uông Bí (Quảng Ninh)	32,7	2023	32,8	15/11/2024
Hòn Dấu (Hải Phòng)	33,0	2023	33,2	15/11/2024
Thái Bình	32,5	1997	32,6	15/11/2024
Trường Sa (Khánh Hòa)	33,8	2022,2023	34,0	16/11/2024
An Nhơn (Bình Định)	32,5	2021	34,0	17/11/2024
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	35,6	2022	35,7	21/11/2024

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất ngày ($^{\circ}\text{C}$) vượt GTLS trong tháng 12/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Trường Sa (Khánh Hòa)	33,0	2006	33,3	07/12/2024
Quy Nhơn (Bình Định)	32,9	2002	33,2	16/12/2024

Bảng 4: Nhiệt độ cao nhất ngày (°C) vượt GTLS trong nửa đầu tháng 01/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 01	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Đà Nẵng	34,0	1980	34,2	09/01/2025

Bảng 5: Tổng lượng mưa ngày (mm) cao nhất tháng 11/2024 vượt GTLS trong cùng thời kỳ

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 11	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Bạc Liêu	181,5	2007	225,5	02/11/2024

Bảng 6: Tổng lượng mưa ngày (mm) cao nhất tháng 12/2024 vượt GTLS trong cùng thời kỳ

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Trà Nóc (Cần Thơ)	51,8	2017	53,3	03/12/2024
Phan Rang (Ninh Thuận)	137,1	2015	137,7	07/12/2024
Song Tử Tây (Khánh Hòa)	239,2	2011	349,5	22/12/2024

Biên Hòa (Đồng Nai)	61,5	1994	78,5	27/12/2024
---------------------	------	------	------	------------

Bảng 7: Tổng lượng mưa ngày (mm) cao nhất tháng 12/2024 vượt GTLS trong cùng thời kỳ

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Phan Rang (Ninh Thuận)	137,1	2015	137,7	07-12-2024
Trà Nóc (Cần Thơ)	51,8	2017	53,3	03-12-2024

Bảng 8: Lượng mưa cao nhất ngày (mm) vượt GTLS trong thời kỳ từ 01-15/01/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 01	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Long Khánh (Đồng Nai)	37,2	2018	49,0	03/01/2025
Ba Tri (Bến Tre)	31,8	2010	39,0	03/01/2025

Bảng 9: Tổng lượng mưa tháng (mm) 11/2024 vượt GTLS trong cùng thời kỳ

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	TLM tháng 11 lịch sử (mm)	Năm xuất hiện GTLS	TLM tháng 11/2024 (mm)
Thổ Chu (Kiên Giang)	388	2012	501

Bảng 10: Tổng lượng mưa tháng (mm) 12/2024 vượt GTLS trong cùng thời kỳ

Trạm	TLM tháng 12 lịch sử (mm)	Năm xuất hiện	TLM tháng 12/2024 (mm)
Phú Quý (Bình Thuận)	387,8	2016	659,0
Phan Rí (Bình Thuận)	129,2	2016	156,2
Côn Đảo (Bà Rịa Vũng Tàu)	256,0	2018	267,4

Ba Tri (Bến Tre)	132,5	2000	139,0
Sóc Trăng	161,3	2018	183,4